

KẾ HOẠCH

tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246-KH/TU ngày 15/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ (*viết tắt là Chỉ thị số 14*) và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246-KH/TU ngày 15/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên (*viết tắt là Kế hoạch số 246*); cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Việc tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ (*Chỉ thị số 14*) và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246-KH/TU ngày 15/01/2020 thực hiện Kết luận số 38-KL/TW của Bộ Chính trị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên (*Kế hoạch số 246*) phải gắn với thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư; Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 08/10/2018 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về nội dung, khung tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ cho các loại hình chi bộ.

2. Việc sơ kết, tổng kết phải được triển khai thực hiện nghiêm túc từ cơ sở; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đánh giá đúng sự thật, khách quan; phát huy dân chủ, trách nhiệm, tập hợp trí tuệ của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và các thành viên trong hệ thống chính trị.

3. Qua sơ kết, tổng kết đánh giá đúng thực trạng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, bất cập và nguyên nhân, những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả và bài học kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện; làm cơ sở để đề xuất các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh việc xây dựng và kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thời gian đến.

II. Nội dung

1. Tập trung đánh giá những kết quả đạt được; hạn chế, khuyết điểm, bất cập; làm rõ nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

2. Xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện có hiệu quả việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

(có Đề cương báo cáo và biểu mẫu gửi kèm)

III. Phương pháp, thời gian thực hiện

1. Đối với tổ chức cơ sở đảng

- Xây dựng Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14 và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246 gắn với việc thực hiện chương trình, kế hoạch của ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Các tổ chức cơ sở đảng cần đánh giá sát đúng kết quả thực hiện; báo cáo phải được thông qua cấp ủy (hoặc tập thể chi bộ đối với nơi không có cấp ủy) và gửi kết quả về ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy trước ngày 30/4/2021.

2. Đối với huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Căn cứ Kế hoạch này, các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch, tổ chức tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14 và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246 sát đúng với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

- Báo cáo sơ kết, tổng kết phải được thông qua tập thể ban thường vụ và gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày 15/5/2021.

* **Lưu ý:** Tùy theo tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị có thể tổ chức (hoặc không) tổ chức hội nghị tổng kết. Những nơi tổ chức hội nghị tổng kết phải bảo đảm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

3. Đối với cấp tỉnh

3.1. Tổ chức khảo sát thực tế một số loại hình tổ chức cơ sở đảng

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức đoàn, lựa chọn các đơn vị và xây dựng kế hoạch khảo sát.

- Thời gian thực hiện, hoàn thành: Trước ngày 30/5/2021.

3.2. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Trên cơ sở báo cáo của các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tổng hợp, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 14 và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246; hoàn thành trước ngày 25/6/2021.

- Căn cứ vào tình hình thực tế của dịch bệnh và chương trình công tác của Thường trực Tỉnh ủy đề tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14 và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246; hoàn thành trước ngày 10/7/2021.

- Về thành phần dự hội nghị: Các đồng chí Tỉnh ủy viên, đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh; đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các ban cán sự đảng, đảng đoàn; đại diện lãnh đạo Phòng Địa phương, Phòng Tổ chức - Cán bộ thuộc Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đại diện thường trực, lãnh đạo ban tổ chức cấp ủy huyện và tương đương; mỗi huyện, thành phố lựa chọn 01 đồng chí bí thư đảng ủy đại diện cho cấp xã.

3.3. *Giao Văn phòng Tỉnh ủy*

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát hành giấy mời, photo tài liệu phục vụ Hội nghị.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị thành công.

Trên cơ sở Kế hoạch này, ban thường vụ huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức thực hiện và chỉ đạo thực hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (b/c),
- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c),
- Vụ Địa phương II, BTCTW (b/c),
- Vụ II, Văn phòng TW Đảng (b/c),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các đồng chí trong BTV Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- CVP, PCVP Tỉnh ủy, P.Tổng hợp, HC-LT,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đặng Ngọc Huy

ĐỀ CƯƠNG

tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 và sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 246-KH/TU ngày 15/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (kèm theo Kế hoạch số 34-KH/TU ngày 19/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

MỞ ĐẦU

- Khái quát về đặc điểm, tình hình (địa phương, cơ quan, đơn vị).
- Những thuận lợi, khó khăn tác động trực tiếp đến công tác xây dựng Đảng, nhất là việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu tổ chức cơ sở đảng và xây dựng chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Phần thứ nhất

TỔNG KẾT 05 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 14-CT/TU NGÀY 10/11/2016 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

I. Đánh giá tình hình tổ chức đảng, đảng viên, đội ngũ cấp ủy viên, đảng viên ở chi bộ

1. Chi bộ trực thuộc cấp ủy cơ sở

- Tổng số chi bộ trực thuộc cấp ủy cơ sở. Nêu rõ các loại hình chi bộ.
- Tổng số đảng viên (*trong đó: số lượng đảng viên được miễn sinh hoạt do đi làm ăn xa chuyển sinh hoạt đảng tạm thời, đảng viên người có đạo, tính tỷ lệ %*).
- Đối với chi bộ thôn, tổ dân phố: số lượng, tỷ lệ đảng viên là hưu trí; số lượng, tỷ lệ bí thư chi bộ là cán bộ hưu trí; số lượng, tỷ lệ bí thư kiêm thôn trưởng, tổ trưởng.
- Số lượng chi bộ có cấp ủy; số chi bộ có từ 3-5, 5-7, 7-9, và trên 9 đảng viên chính thức.
- Số thôn, tổ dân phố chưa có chi bộ (hoặc số thôn, tổ dân phố được thành lập 2 chi bộ (nếu có, cần nêu rõ lý do vì sao).

2. Chi bộ cơ sở

- Tổng số chi bộ
- Tổng số đảng viên (*đảng viên giữ chức vụ đảng, chính quyền, đoàn thể*).
- Số chi bộ có cấp ủy.
- Số lượng chi bộ ghép.

II. Kết quả

1. Tình hình quán triệt, triển khai

- Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 14 (*nêu rõ thành phần tham dự, tỷ lệ % đảng viên dự, học tập*).
- Việc ban hành các văn bản cụ thể hóa Chỉ thị số 14 của cấp ủy các cấp (*cụ thể số lượng, loại văn bản ban hành*).

- Những sáng tạo, cách làm mới trong quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện.

2. Kết quả thực hiện

2.1. *Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên về vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng và chi bộ; ý nghĩa và tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, nhất là việc phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở.*

Đánh giá kỹ việc chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém của việc sinh hoạt chi bộ thời gian qua, trong đó đánh giá sâu về nội dung sinh hoạt chi bộ có bảo đảm tính lãnh đạo, tính chiến đấu, giáo dục, rèn luyện đảng viên, nhất là việc thông qua sinh hoạt chi bộ đảng viên đã thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm tiên phong, gương mẫu của mình trước quần chúng.

2.2. Về nền nếp sinh hoạt chi bộ

- Việc thực hiện chế độ sinh hoạt của cấp ủy đề bàn, chuẩn bị các nội dung công việc trước khi sinh hoạt chi bộ.

- Việc thực hiện quy định của cấp ủy cấp trên về thời gian tổ chức sinh hoạt định kỳ của chi bộ. Tỷ lệ bình quân đảng viên tham gia sinh hoạt đảng định kỳ.

- Việc xây dựng lịch sinh hoạt định kỳ hằng tháng của chi bộ.

2.3. Về nội dung sinh hoạt chi bộ hằng tháng

- Việc thông tin tình hình thời sự nổi bật trong nước, quốc tế và của địa phương, cơ quan, đơn vị; phổ biến chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên.

- Việc nắm tình hình tư tưởng của đảng viên, quần chúng thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ; những vấn đề tư tưởng chi bộ cần quan tâm.

- Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của chi bộ tháng trước và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên được phân công.

- Đánh giá việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của đảng viên, quần chúng thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ.

- Thực hiện tự phê bình và phê bình những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

- Kết thúc buổi sinh hoạt, có kết luận hoặc nghị quyết và phân công tổ chức thực hiện, có hay không? Việc đề ra nhiệm vụ của chi bộ trong tháng tới, phân công nhiệm vụ cho đảng viên trong chi bộ.

(Các chi bộ có sinh hoạt đủ các nội dung nêu trên không? Có nội dung sinh hoạt nào khác không? Kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các nội dung nêu trên của từng loại hình chi bộ? Việc hướng dẫn nội dung cụ thể đối với một số loại hình chi bộ theo Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW và Hướng dẫn 06 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy có sát, phù hợp với tình hình hiện nay không?...).

2.4. Phương pháp, cách thức tiến hành sinh hoạt chi bộ

- Công tác chuẩn bị của chi ủy: Đánh giá chất lượng chuẩn bị nội dung; nền nếp sinh hoạt chi ủy trước khi tổ chức sinh hoạt chi bộ; việc thông báo trước nội

dung sinh hoạt cho đảng viên; chuẩn bị các điều kiện vật chất bảo đảm sinh hoạt như địa điểm, ánh sáng...

- Vai trò, trách nhiệm của chi ủy, nhất là của bí thư trong việc tổ chức sinh hoạt chi bộ.

- Tính nêu gương của đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong sinh hoạt chi bộ.

- Sinh hoạt chi bộ: Chất lượng điều hành sinh hoạt; số lượng, chất lượng ý kiến thảo luận, tham gia ý kiến của đảng viên trong sinh hoạt chi bộ; nội dung, chất lượng biên bản sinh hoạt chi bộ; việc ra nghị quyết của chi bộ.

- Việc đề cao tính đảng, tính nguyên tắc và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong sinh hoạt chi bộ.

(Đánh giá sâu sắc chất lượng sinh hoạt chi bộ về nội dung, tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu, tinh thần tự phê bình và phê bình, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết và tình thương yêu đồng chí... trong sinh hoạt chi bộ nói chung và từng loại hình chi bộ nói riêng).

2.5. Về sinh hoạt chuyên đề

- Việc cấp ủy cấp trên chỉ đạo, định hướng sinh hoạt chuyên đề.

- Việc cấp ủy chi bộ xây dựng kế hoạch, phân công đảng viên chuẩn bị chuyên đề.

- Nội dung sinh hoạt chuyên đề: (1) Tỷ lệ chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; (2) Tỷ lệ chuyên đề phù hợp với nhiệm vụ của chi bộ; (3) Tỷ lệ chuyên đề khác.

(Kết quả, cách thức, hiệu quả của sinh hoạt chuyên đề; nêu kinh nghiệm, mô hình sinh hoạt chuyên đề sáng tạo, hiệu quả; những khó khăn, vướng mắc... ở từng loại hình chi bộ).

2.6. Cách làm hay, mô hình hiệu quả, sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ ở địa phương, cơ quan, đơn vị:

- Cách làm hay nhằm khắc phục được tình trạng trong sinh hoạt chi bộ chủ yếu bàn về công việc chuyên môn, không đúng với nội dung sinh hoạt chi bộ; không bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu...

- Mô hình hiệu quả, sáng tạo nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng thông qua chi bộ và đảng viên.

2.7. Đánh giá kết quả thực hiện mô hình chi bộ thôn, tổ dân phố

- Số lượng chi bộ thôn, tổ dân phố có cấp ủy. Đánh giá đạt hay không đạt chi bộ thôn có cấp ủy.

- Số lượng chi bộ thôn, tổ dân phố: có trưởng thôn là đảng viên; có trưởng ban công tác Mặt trận là đảng viên.

- Số lượng chi bộ thực hiện mô hình: bí thư kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; phó bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; hoặc bí thư kiêm trưởng ban công tác Mặt trận; phó bí thư kiêm trưởng ban công tác Mặt trận.

- Việc tạo nguồn, bồi dưỡng, phát triển đảng viên như thế nào, nêu khó khăn, thuận lợi, cần có số liệu chứng minh.

- Việc tuyên truyền, vận động các chủ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiểu sâu sắc chủ trương thành lập tổ chức đảng trong doanh nghiệp để cùng doanh nghiệp lãnh đạo phát triển sản xuất kinh doanh. Việc khảo sát, tạo nguồn phát triển đảng viên là công nhân, người lao động sản xuất, kinh doanh giỏi tiến tới thành lập tổ chức đảng trong doanh nghiệp.

(Nội dung này cần đánh giá kỹ những ưu điểm, hạn chế, bất cập)

2.8. Công tác kiểm tra, giám sát

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; thực trạng chất lượng sinh hoạt hiện nay của các loại hình chi bộ? Đánh giá cấp ủy đảng cấp trên ban kế hoạch kiểm tra, giám sát việc sinh hoạt chi bộ, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, yếu kém, cần nêu số liệu chứng minh.

- Việc phân công các đồng chí thường vụ, cấp ủy viên phụ trách địa bàn phải thường xuyên tham dự sinh hoạt chi bộ để kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng trong đảng viên, nhân dân và những vướng mắc ở cơ sở, định kỳ báo cáo cho cấp ủy để có chủ trương chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ có hiệu quả, cần nêu số liệu chứng minh.

- Số lượng cuộc kiểm tra, giám sát về chất lượng sinh hoạt chi bộ do cấp ủy cơ sở, cấp ủy cấp trên cơ sở thực hiện (*thường xuyên và chuyên đề*).

2.9. Đánh giá chất lượng sinh hoạt của các loại hình chi bộ

Căn cứ thực trạng chất lượng sinh hoạt chi bộ, cấp ủy các cấp đánh giá, so sánh chất lượng sinh hoạt của các loại hình chi bộ và nguyên nhân, loại hình chi bộ nào có chất lượng sinh hoạt tốt nhất, loại hình chi bộ nào chất lượng sinh hoạt đạt yêu cầu, loại hình chi bộ nào chất lượng sinh hoạt yếu kém...

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm và nguyên nhân

2. Khuyết điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân

- Về quán triệt, triển khai thực hiện.
- Về nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên.
- Về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên.
- Về nền nếp sinh hoạt chi bộ.
- Về nội dung sinh hoạt hằng tháng.
- Về phương pháp, cách thức tiến hành sinh hoạt.
- Về sinh hoạt chuyên đề.
- Về ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm đảng viên.
- Về công tác quản lý đảng viên.

- Những nội dung khác (nếu có).

*** Nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế, bất cập**

Lưu ý: Việc đánh giá ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân phải so sánh giữa các loại hình chi bộ, qua đó chỉ rõ những đặc điểm khác nhau chi phối đến chất lượng sinh hoạt chi bộ.

3. Bài học kinh nghiệm

Nêu những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; kinh nghiệm nâng cao chất lượng sinh hoạt của các chi bộ.

Phần thứ hai

**SƠ KẾT 01 NĂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 246-KH/TU
NGÀY 15/01/2020 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

I. Đánh giá mô hình tổ chức cơ sở đảng

1. Về tổ chức

- Nêu rõ số lượng, các loại hình đảng bộ bộ phận (nếu có), đảng bộ cơ sở.
- Nêu rõ mô hình cơ cấu các chức danh lãnh đạo, quản lý: Bí thư (hoặc phó bí thư) kiêm chủ tịch HĐND; Bí thư (hoặc phó bí thư) kiêm chủ tịch UBND; phó bí thư thường trực Đảng ủy kiêm Chủ tịch UBMTTQ xã, phường, thị trấn; bí thư cấp ủy là thủ trưởng (cấp phó) cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ...

2. Việc lãnh đạo, triển khai

- Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch 246 (nêu rõ thành phần tham dự, tỷ lệ % đảng viên dự, học tập).
- Việc ban hành các văn bản cụ thể hóa Kế hoạch 246 của cấp ủy các cấp. Nêu các văn bản cụ thể hóa của cấp ủy các cấp (nghị quyết/đề án/chương trình hành động/kế hoạch/văn bản chỉ đạo/hướng dẫn...) để tổ chức thực hiện.
- Những sáng tạo, cách làm mới trong quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

- Đổi mới nội dung, phương thức công tác tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho từng đối tượng.
- Đổi mới hình thức nghiên cứu, quán triệt, học tập và cụ thể hóa các nghị quyết; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của Đảng, của cấp ủy cấp trên phù hợp với từng địa phương, cơ quan, đơn vị.
- Việc đổi mới chương trình, nội dung và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý (nếu có).

- Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Nội dung, phương pháp, kết quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch. Việc tăng cường công tác tư tưởng, định hướng dư luận xã hội trong các hoạt động của Đảng, chính quyền, đoàn thể, nhất là sinh hoạt chi bộ.

- Những nội dung khác (nếu có).

(Nêu cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong việc: Phổ biến, quán triệt các nghị quyết của Đảng; giáo dục chính trị, tư tưởng cho từng đối tượng cán bộ, đảng viên; nội dung và hình thức đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; công tác báo chí và định hướng dư luận xã hội...).

2. Công tác nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng

- Kết quả kiện toàn, sắp xếp lại các tổ chức đảng phù hợp, đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở theo tinh thần Nghị quyết 18 và Nghị quyết số 19 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương. Cần nêu rõ số liệu để chứng minh.

- Kết quả sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và sắp xếp sáp nhập thôn, xóm, tổ dân phố theo các văn bản của Trung ương¹ và của địa phương.

- Kết quả xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế ngoài khu vực kinh tế nhà nước.

- Kết quả việc ban hành và thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng. Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố tổ chức cơ sở đảng yếu kém; thành lập chi bộ ở thôn (xóm), tổ dân phố chưa có tổ chức đảng, kết nạp đảng viên ở thôn (xóm), tổ dân phố chưa có đảng viên. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở cơ sở; xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy.

- Việc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng đối với cấp ủy viên, nhất là bí thư cấp ủy.

- Kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch, chuẩn bị tốt nhân sự cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 và các nhiệm kỳ tiếp theo.

- Việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên, bí thư cấp ủy và cán bộ được quy hoạch.

- Đánh giá công tác quản lý, giáo dục đảng viên, nhất là tổ chức đảng thôn, tổ dân phố, các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước (cần

¹ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021.

nêu rõ số lượng đảng viên được tạm miễn (hoặc được miễn) sinh hoạt đảng để đi làm ăn xa...)

- Kết quả thực hiện việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng, đánh giá số liệu từ năm 2015-2020.

- Kết quả thực hiện việc kết nạp học sinh, sinh viên đủ tiêu chuẩn vào Đảng, đánh giá số liệu từ năm 2015-2020.

- Công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm, đánh giá số liệu từ năm 2015-2020.

- Những nội dung khác (nếu có).

3. Công tác xây dựng chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, đảng viên

3.1. Công tác xây dựng chất lượng đội ngũ cấp ủy viên

- Kết quả xây dựng đội ngũ cấp ủy, bí thư cấp ủy: phân tích rõ chất lượng chi ủy viên, đảng ủy viên; chất lượng bí thư chi bộ.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tinh giản về số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; tăng cường kiêm nhiệm, thực hiện khoán kinh phí phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII. Đánh giá rõ, cụ thể số liệu tại thời điểm báo cáo.

3.2. Đánh giá công tác xây dựng đội ngũ đảng viên và chất lượng kết nạp đảng viên mới

- Đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Đánh giá công tác tạo nguồn kết nạp đảng viên. Cần nêu rõ số lượng chi bộ (ở loại hình nào) có 100% là đảng viên (không còn nguồn để phát triển đảng viên).

- Đánh giá công tác kết nạp đảng viên, cụ thể:

- + Chi bộ thôn, tổ dân phố: cần nêu rõ số lượng chi bộ có 100% là đảng viên (không còn nguồn để phát triển đảng viên); số lượng chi bộ hằng năm đều kết nạp đảng viên mới; số lượng chi bộ từ 2-3 năm mới kết nạp được đảng viên mới; số lượng chi bộ từ 4-5 năm mới kết nạp được đảng viên mới; số lượng chi bộ trên 5 năm mới kết nạp được đảng viên mới. Đánh giá phân tích, hoặc nêu cụ thể các lý do vì sao hằng năm không kết nạp được đảng viên mới ở chi bộ thôn, tổ dân phố.

- + Chi bộ trong các loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước: cần nêu rõ số lượng chi bộ có 100% là đảng viên (không còn nguồn để phát triển đảng viên); số lượng chi bộ hằng năm đều kết nạp đảng viên mới; số lượng chi bộ từ 2-3 năm mới kết nạp được đảng viên mới; số lượng chi bộ từ 4-5 năm mới kết nạp được đảng viên mới; số lượng chi bộ trên 5 năm mới kết nạp được đảng viên mới. Đánh giá phân tích, hoặc nêu cụ thể các lý do vì sao hằng năm không kết nạp được đảng viên mới ở chi bộ trong các loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước.

- Đánh giá kết quả rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Những nội dung khác (*nếu có*).

4. Công tác dân vận

- Đánh giá việc cấp ủy cơ sở nắm chắc tình hình tư tưởng của nhân dân, nhất là ở những địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự; khi có nảy sinh tình huống phức tạp về trật tự, an ninh, có biện pháp tuyên truyền, vận động, thuyết phục, xử lý kịp thời nhằm ổn định tình hình ngay từ cơ sở.

- Đánh giá việc thực hiện nề nếp việc người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp định kỳ đối thoại, tiếp xúc với đảng viên, nhân dân; cấp ủy viên các cấp dự sinh hoạt chi bộ hằng tháng.

- Đánh giá việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Thực hiện tốt việc giải quyết đơn, thư phản ánh của nhân dân đối với tổ chức đảng, đảng viên theo quy định.

5. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Việc thực hiện các quy định của Đảng về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng².

- Việc đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ; việc xử lý những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

- Công tác kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp; việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng, nhất là tự kiểm tra, giám sát.

- Sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng và cơ quan liên quan.

- Kết quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, đánh giá số liệu từ năm 2015-2020.

- Những nội dung khác (*nếu có*).

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm và kết quả nổi bật

² Quy định 30-QĐ/TW ngày 26/7/2016 của BCH TW về thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về việc xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Quy định số 07-QĐ/TW ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm...

- Về nhận thức.
- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền, học tập, quán triệt.
- Về thể chế hóa, cụ thể hóa các văn bản về công tác nâng cao năng lực lãnh đạo tổ chức cơ sở đảng và xây dựng, phát triển đội ngũ đảng viên.
- Những kết quả nổi bật của 01 năm thực hiện Kế hoạch 246

2. Hạn chế, khuyết điểm

- Về nhận thức.
- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo.
- Về thể chế hóa, cụ thể hóa các quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy.
- Những hạn chế, tồn tại trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch 246.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan.
- Nguyên nhân chủ quan.

4. Bài học kinh nghiệm (nếu có)

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG

1. Phương hướng

2. Nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 – 2025

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)
